

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 11 năm 2015

Số 359/BC-UBND

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	Số: 9059
CV ĐẾN	Ngày: 27/11/15
	Chuyên: Tỉnh

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 6754/BTC-TCĐT ngày 22/5/2015 của Bộ Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở Báo cáo của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; UBND tỉnh báo cáo như sau:

I. Khái quát chung

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải miền Trung có khí hậu nhiệt đới gió mùa, là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, thiên tai thường hay xảy ra, năm nào cũng bị ảnh hưởng của hạn hán, bão, lũ gây thiệt hại nặng nề cả về người và tài sản. Bên cạnh đó tỉnh Quảng Ngãi có 14 huyện, thành phố nhưng đã có 06 huyện miền núi, 01 huyện hải đảo và nhiều xã bãi ngang ven biển, đời sống nhân dân đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí thấp. Do vậy, ngoài những nỗ lực của người dân và sự hỗ trợ của Đảng, chính quyền các cấp tại địa phương trong công tác cứu trợ, viện trợ thì nguồn dự trữ quốc gia, nhất là hỗ trợ gạo là vấn đề giải quyết nhu cầu cần thiết cấp bách tại địa phương. Được sự quan tâm của Chính phủ đầu năm 2015 tỉnh Quảng Ngãi cũng là một trong những địa phương được hỗ trợ từ nguồn gạo dự trữ quốc gia để cứu đói và giải quyết khó khăn cho người dân cũng như học sinh theo các chương trình như: gạo hỗ trợ Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015 tại Quyết định số 183/QĐ-TTg ngày 04/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ, gạo hỗ trợ trong thời gian giáp hạt năm 2015 tại Quyết định số 292/QĐ-TTg ngày 05/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 405/QĐ-BTC ngày 04/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học kỳ II năm học 2014-2015 theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh đã thực hiện phân bổ kịp thời, đúng đối tượng, định mức quy định của nhà nước; đồng thời chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và các

đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nhằm đảm bảo việc phân phối và sử dụng gạo đúng mục đích, có hiệu quả.

II. Kết quả triển khai thực hiện

1. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện

Trên cơ sở các Quyết định xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã thực hiện phân bổ kịp thời và chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công tại các Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 04/02/2015, Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 25/3/2015, Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 và Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 11/5/2015.

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và các đơn vị phối hợp tổ chức triển khai thực hiện, nhìn chung công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tại các địa phương trong tỉnh về cơ bản là kịp thời, đúng nội dung chỉ đạo của Trung ương. Song vẫn còn nhiều địa phương công tác chỉ đạo chưa thật sự sâu sát, nhận thức của một số cán bộ trong công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tại đơn vị còn hạn chế, ngại va chạm; việc kiểm tra, giám sát và xử lý tồn tại đối với công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tại đơn vị chưa kịp thời và kiên quyết, dẫn đến việc phân phối gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tại các huyện, thành phố, các trường học vẫn còn tồn tại hạn chế nhất định.

2. Về đối tượng và mức hỗ trợ

a) Về đối tượng được nhận gạo hỗ trợ

- Gạo hỗ trợ Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015, đối tượng được nhận gạo cứu trợ là *những hộ nghèo, hộ cận nghèo bị thiếu đói thật sự* trong dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

- Gạo hỗ trợ trong thời gian Giáp hạt năm 2015 đối tượng được nhận gạo cứu trợ là *những hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do hạn hán dẫn đến thực sự thiếu đói trong thời gian giáp hạt* năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

- Gạo hỗ trợ tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học kỳ II năm học 2014- 2015 theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ đối tượng được nhận gạo hỗ trợ là *học sinh tiểu học và trung học cơ sở đang học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học và trung học cơ sở công lập ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; học sinh là người dân tộc thiểu số có bố, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế*

- xã hội đặc biệt khó khăn không hưởng chế độ nội trú có nhà ở xa trường hoặc có địa hình cách trở không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đang học tại các trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học công lập.

b) Về mức hỗ trợ

- Gạo hỗ trợ Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015 mức hỗ trợ 15 kg/khẩu/tháng, hỗ trợ 01 tháng theo quy định tại Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Gạo hỗ trợ trong thời gian giáp hạt năm 2015 mức hỗ trợ 15 kg/khẩu/tháng, hỗ trợ từ 01 đến 03 tháng theo quy định tại Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Gạo hỗ trợ tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặt biệt khó khăn học kỳ II năm học 2014-2015 mức hỗ trợ 15 kg/tháng/học sinh và được hưởng không quá 4 tháng/học kỳ II/học sinh theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (không quá 9 tháng/năm học/học sinh).

Về đối tượng và định mức hỗ trợ nhìn chung các huyện, thành phố và trường học phổ thông các cấp ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện về cơ bản đảm bảo quy định, song vẫn còn một số xã, phường, thị trấn thực hiện chưa đảm bảo quy định.

3. Về phương tiện vận chuyển

Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Nghĩa Bình và Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Đà Nẵng thực hiện đấu giá ký hợp đồng với doanh nghiệp vận chuyển và phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Phòng Giáo dục huyện, thành phố vận chuyển gạo từ Kho dự trữ đến trung tâm các huyện, thành phố, các Phòng Giáo dục huyện, thành phố kịp thời. UBND các huyện, thành phố hỗ trợ kinh phí vận chuyển từ trung tâm huyện đến các xã, phường, thị trấn và các trường để thực hiện phân phối cho người dân và học sinh. Song có địa phương vẫn còn một số tồn tại như huyện Minh Long còn nợ tiền vận chuyển gạo từ huyện đến trường, một số thôn thuộc xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn thực hiện thu mỗi hộ từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng để chi trả tiền vận chuyển từ xã về thôn là chưa đúng với quy định.

4. Công tác rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia theo quy định

Qua kết quả kiểm tra thực tế của Đoàn kiểm tra thì số đối tượng và nhu cầu được hưởng chính sách tại địa phương là lớn, nhưng do một số địa phương không thực hiện rà soát hoặc rà soát nhưng kết quả kiểm tra rà soát nhu cầu của xã, phường, thị trấn chưa được chặt chẽ, dẫn đến số lượng tổng hợp còn thấp so với nhu cầu thực tế. Việc rà soát đối tượng được hưởng

chính sách của một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thành phố chưa được kịp thời, công tác rà soát chưa sát với nhu cầu thực tế, mà chỉ ước tính khả năng thiếu đói, còn bỏ sót đối tượng có nhu cầu, đến khi gạo về mới thực hiện rà soát trong phạm vi số gạo được phân bổ, theo đó số hộ, số khẩu thực tế cao hơn so với dự báo dẫn đến việc phân phối không đảm bảo 15 kg gạo/khẩu/tháng; mặt khác, theo báo cáo của một số địa phương số lượng gạo được hỗ trợ thấp hơn so với nhu cầu của địa phương. Do vậy nhiều xã, phường, thị trấn thực hiện không chế số khẩu trong hộ, giảm số khẩu để tăng số hộ, cũng như thực hiện phân phối bình quân chia đều cho các hộ có nhu cầu.

Đối với việc hỗ trợ gạo cho học sinh ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn về cơ bản nhà trường có rà soát danh sách đối tượng gửi lên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, nhưng một số Phòng Giáo dục và Đào tạo không tham mưu UBND huyện phê duyệt danh sách mà chỉ lập bản kê có chữ ký xác nhận của UBND huyện là không đúng với nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh. Ngoài ra, phần lớn các Phòng Giáo dục và Đào tạo chưa tham mưu UBND huyện, thành phố hướng dẫn công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia để các trường có đủ cơ sở triển khai thực hiện.

5. Việc tuân thủ các quy định về công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ của các huyện, thành phố

a) Khối lượng gạo tiếp nhận và phân phối

- Tổng khối lượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 3.483.560 kg.
- Tổng giá trị theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 31.034.040.025 đồng.
- Tổng khối lượng thực tế tiếp nhận và phân phối: 3.481.700 kg.
- Tổng giá trị theo thực tế tiếp nhận và phân phối: 31.017.481.294 đồng.

(Số gạo 1.860 kg theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 hỗ trợ bổ sung đợt 2 Trường THCS Sơn Thượng, huyện Sơn Hà học kỳ II năm học 2014-2015 theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ tại thời điểm kiểm tra chưa được Trung ương hỗ trợ)

Trong đó:

- *Gạo hỗ trợ Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015:*
 - + Tổng khối lượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 1.335.000 kg.
 - + Tổng giá trị theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 11.897.775.455 đồng.
 - + Tổng khối lượng thực tế tiếp nhận và phân phối: 1.335.000 kg.
 - + Tổng giá trị theo thực tế tiếp nhận và phân phối: 11.897.775.455 đồng.

- *Gạo hỗ trợ trong thời gian giáp hạt năm 2015:*

- + Tổng khối lượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 1.371.000 kg.
- + Tổng giá trị theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 12.214.002.768 đồng.
- + Tổng khối lượng thực tế tiếp nhận và phân phối: 1.371.000 kg.
- + Tổng giá trị theo thực tế tiếp nhận và phân phối: 12.214.002.768 đồng.

- *Gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2014-2015:*

- + Tổng khối lượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 777.560 kg.
- + Tổng giá trị theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 6.922.261.802 đồng.
- + Tổng khối lượng thực tế tiếp nhận và phân phối: 775.700 kg.
- + Tổng giá trị theo thực tế tiếp nhận và phân phối: 6.905.703.071 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

b) Công tác quản lý và phân phối

- Phần lớn các huyện, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi không có kho dự trữ, vì vậy khi tiếp nhận gạo của Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Nghĩa Bình và Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Đà Nẵng thì các địa phương thực hiện phân phối ngay cho đối tượng thụ hưởng.

- Công tác phân phối tại các huyện, thành phố đảm bảo đúng số lượng và thời gian quy định.

- Đối với một số xã, phường, thị trấn thực hiện phân phối gạo về cơ bản đảm bảo đúng định mức và thời gian quy định. Bên cạnh đó còn rất nhiều xã, phường, thị trấn ngại va chạm, tránh tình trạng khiếu nại nên phân phối gạo chưa đúng định mức quy định, thực hiện chia đều cho các hộ, mỗi hộ nhận được 15 kg gạo; đặc biệt có một số xã tại các huyện miền núi do tính cộng đồng của người dân thực hiện chia đều bình quân cho các khẩu là người đồng bào dân tộc thiểu số nên dẫn đến số lượng gạo được nhận là quá thấp so với định mức quy định, có xã người dân không có trong danh sách đối tượng được nhận gạo nhưng vẫn được nhận 5kg như xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây. Mặt khác, qua kiểm tra thực tế đa phần các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện khống chế số khẩu trong hộ hoặc giảm số khẩu để tăng số hộ để phân phối gạo

- Đối với các trường có học sinh bán trú có một số trường học giữ lại từ 10kg đến 20kg gạo để nấu cho học sinh ăn trong học kỳ II nhưng không có sổ sách chứng từ theo dõi như: Trường THCS Trà Thủy huyện Trà Bồng, Trường TH và THCS Sơn Ba huyện Sơn Hà.

c) Việc sử dụng

Qua kiểm tra thực tế cũng như phản ánh của người dân, số lượng gạo cấp 03 đợt: hỗ trợ Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015, hỗ trợ trong thời gian giáp hạt năm 2015 và hỗ trợ gạo cho học sinh theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì số lượng và chất lượng gạo cấp qua các kỳ đảm bảo, theo đó giúp tháo gỡ được phần khó khăn cho người dân đồng thời giải quyết được cho học sinh xa nhà có đủ điều kiện đến trường, theo đó giảm thiểu được số lượng học sinh bỏ học. Nhìn chung người dân cũng như học sinh sử dụng gạo đúng mục đích.

III. Một số nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

a) Thuận lợi

- Công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh: Sau khi có quyết định phân bổ gạo và chỉ đạo triển khai thực hiện của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 340/SLĐTĐTBXH-TBXH ngày 05/02/2015 hướng dẫn cấp phát 1.335 tấn gạo từ nguồn hỗ trợ của Chính phủ cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015, Công văn số 716/SLĐTĐTBXH-TBXH ngày 26/3/2015 hướng dẫn cấp phát 1.335 tấn gạo từ nguồn hỗ trợ của Chính phủ cho nhân dân trong thời gian giáp hạt năm 2015 và Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn hướng dẫn số 404/SGD-ĐT ngày 27/3/2015 về việc hướng dẫn cấp gạo cho học sinh theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Quá trình thực hiện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức kiểm tra tình hình phân phối gạo Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015 tại 03 huyện, thành phố (Mộ Đức, Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi).

- Công tác phối kết hợp: Việc phối hợp giữa Cục Dự trữ nhà nước khu vực Nghĩa Bình, Cục Dự trữ nhà nước khu vực Đà Nẵng với UBND tỉnh Quảng Ngãi là chặt chẽ trong việc lập phương án giao nhận gạo cũng như thời gian vận chuyển gạo cho từng địa phương, đơn vị, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiếp nhận và phân phối gạo.

- Đối với công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ tại đơn vị về cơ bản đúng quy định. Nhìn chung qua phản ánh của các địa phương, nhà trường cũng như người dân, gạo hỗ trợ trong 03 đợt Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015, thời gian giáp hạt năm 2015 và hỗ trợ học kỳ II năm học 2014-2015 đều đảm bảo số lượng và chất lượng gạo tốt.

b) Một số tồn tại, hạn chế

- Mặc dù UBND tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhưng UBND các huyện, thành phố chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, dẫn đến nhận thức của một số cán bộ trong công tác quản lý, phân phối gạo dự trữ

quốc gia hỗ trợ tại địa phương còn hạn chế, do ngại va chạm, chưa đảm bảo quy định; việc kiểm tra, giám sát và xử lý tồn tại đối với công tác tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ chưa kịp thời và kiên quyết; công tác hướng dẫn triển khai chưa đến nơi đến chốn, dẫn đến một số đơn vị cấp dưới không triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn nhưng chưa có biện pháp xử lý kịp thời. Do đó, tình trạng phân phối gạo phần lớn tại các xã, phường, thị trấn thực hiện chia đều bình quân theo nhân khẩu, có một số xã, phường, thị trấn thực hiện chia đều cho các hộ dẫn đến lượng gạo của mỗi khẩu là quá thấp so với định mức quy định nên chưa thực hiện đạt được mục tiêu cứu đói cho nhân dân trong những lúc khó khăn.

- Việc chỉ đạo của UBND các huyện, thành phố trong công tác thực hiện rà soát danh sách đối tượng được hỗ trợ về cơ bản kịp thời, song công tác giám sát quán triệt nội dung chỉ đạo chưa thật sự triệt để dẫn đến một số xã không thực hiện rà soát hoặc rà soát chưa đúng thời gian và nhu cầu thực tế mà chỉ ước tính khả năng thiếu đói của người dân, còn bỏ sót đối tượng có nhu cầu, nhìn chung công tác rà soát không sát với thực tế. Việc chấp hành chế độ báo cáo của các xã chưa thật nghiêm túc, công tác mở sổ sách theo dõi, hạch toán kế toán, quyết toán chưa thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Tài chính.

Những tồn tại trên, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có văn bản chỉ đạo xử lý và giải pháp khắc phục.

2. Kiến nghị

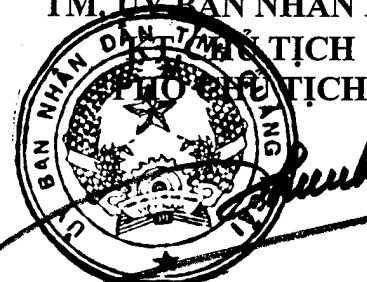
UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng Cục Dự trữ quốc gia quan tâm hơn nữa và tăng số lượng gạo cứu đói, cứu trợ cho người dân tỉnh Quảng Ngãi, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán và trong thời gian giáp hạt; đồng thời cần quan tâm phân bổ gạo cho học sinh kịp thời hơn.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Tài chính./.

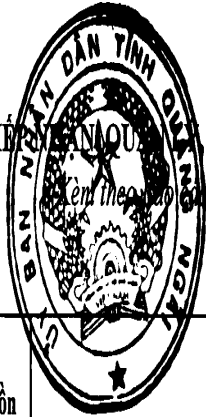
Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Nghĩa Bình;
- VPUB:CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, VXthuy626

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Quang Thích



PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ, PHÂN PHỐI, SỬ DỤNG GẠO DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐƯỢC HỖ TRỢ TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI
 số 359 /BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	TÊN ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ, PHÂN PHỐI	Số gạo tiếp nhận, quản lý, phân phối, sử dụng trong kỳ												Số gạo còn tồn cuối kỳ (đến 30/6/2015)			
		Số gạo tồn đầu kỳ (01/01/2015)		Quyết định của cấp có thẩm quyền		Số gạo theo Q. định của cấp có thẩm quyền		Số gạo thực tế đã tiếp nhận		Số gạo thực tế đã phân phối cho đối tượng sử dụng		Tổng số		Trong đó: Hư hỏng			
		Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)	Số	Ngày, tháng, năm	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)	Ngày, tháng tiếp nhận	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)	Ngày, tháng phân phối	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=3+10-13	16=4+11-14	17	18
1	Hỗ trợ dịp tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015	-	-	166	04/02/2015	1,335,000	11,897,775,455		1,335,000	11,897,775,455		1,335,000	11,897,775,455	-	-	-	-
1	Huyện Lý Sơn	-	-	166	04/02/2015	40,380	359,874,287	14/02/2015	40,380	359,874,287	14/02/201	40,380	359,874,287	-	-	-	-
2	Huyện Sơn Tịnh	-	-	166	04/02/2015	30,870	275,119,347	09/02/2015	30,870	275,119,347	09/02/201 5- 11/02/201	30,870	275,119,347	-	-	-	-
3	Huyện Ba Tư	-	-	166	04/02/2015	130,005	1,158,629,437	09/02/2015	130,005	1,158,629,437	09/02/201	130,005	1,158,629,437	-	-	-	-
4	Huyện Tây Trà	-	-	166	04/02/2015	141,435	1,260,495,784	09/02/2015	141,435	1,260,495,784	09/02/201	141,435	1,260,495,784	-	-	-	-
5	Huyện Trà Bồng	-	-	166	04/02/2015	48,840	435,271,426	10/02/2015 11/02/2015	48,840	435,271,426	11/02/201	48,840	435,271,426	-	-	-	-
6	Huyện Sơn Tây	-	-	166	04/02/2015	78,300	697,824,583	11/02/2015	78,300	697,824,583	11/02/201	78,300	697,824,583	-	-	-	-
7	Huyện Sơn Hà	-	-	166	04/02/2015	94,275	840,196,840	09/02/2015 10/02/2015	94,275	840,196,840	09/02/201	94,275	840,196,840	-	-	-	-
8	Huyện Đức Phổ	-	-	166	04/02/2015	72,345	644,752,483	09/02/2015 10/02/2015	72,345	644,752,483	09/02/201	72,345	644,752,483	-	-	-	-
9	Huyện Bình Sơn	-	-	166	04/02/2015	93,750	835,517,939	12/02/2015	93,750	835,517,939	12/02/201 5-	93,750	835,517,939	-	-	-	-
10	Huyện Nghĩa Hành	-	-	166	04/02/2015	146,925	1,309,423,714	10/02/2015	146,925	1,309,423,714	10/02/201	146,925	1,309,423,714	-	-	-	-
11	Huyện Tư Nghĩa	-	-	166	04/02/2015	30,105	268,301,521	11/02/2015	30,105	268,301,521	11/02/201 5-	30,105	268,301,521	-	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=3+10-13	16=4+11-14	17	18
12	Huyện Minh Long	-	-	166	04/02/2015	75,960	676,970,055	10/02/2015 11/02/2015	75,960	676,970,055	10/02/2015-5-	75,960	676,970,055	-	-	-	-
13	Huyện Mộ Đức	-	-	166	04/02/2015	130,080	1,159,297,851	12/02/2015	130,080	1,159,297,851	12/02/2015-5-	130,080	1,159,297,851	-	-	-	-
14	Thành phố Quảng Ngãi	-	-	166	04/02/2015	221,730	1,976,100,188	11/02/2015.	221,730	1,976,100,188	11/02/2015-5.	221,730	1,976,100,188	-	-	-	-
II	Hỗ trợ trong thời gian giáp hạt năm 2015	-	-	393	25/3/2015	1,371,000	12,214,002,768		1,371,000	12,214,002,768		1,371,000	12,214,002,768	-	-	-	-
1	Huyện Lý Sơn	-	-	393	25/3/2015	57,930	515,606,020	06/4/2015	57,930	515,606,020	07/4/2015	57,930	515,606,020	-	-	-	-
2	Huyện Sơn Tịnh	-	-	393	25/3/2015	38,280	340,711,176	01/4/2015	38,280	340,711,176	02/4/2015-10/4/2015	38,280	340,711,176	-	-	-	-
3	Huyện Ba Tơ	-	-	393	25/3/2015	159,240	1,417,315,771	-	159,240	1,417,315,771	-	159,240	1,417,315,771	-	-	-	-
4	Huyện Tây Trà	-	-	393	25/3/2015	162,300	1,444,551,304	07/4/2015	162,300	1,444,551,304	07/4/2015	162,300	1,444,551,304	-	-	-	-
5	Huyện Trà Bồng	-	-	393	25/3/2015	123,990	1,103,573,113	06/4/2015-	123,990	1,103,573,113	25/4/2015	123,990	1,103,573,113	-	-	-	-
6	Huyện Sơn Tây	-	-	393	25/3/2015	59,550	530,024,832	02/4/2015	59,550	530,024,832	02/4/2015	59,550	530,024,832	-	-	-	-
7	Huyện Sơn Hà	-	-	393	25/3/2015	70,230	625,082,182	02/4/2015.	70,230	625,082,182	02/4/2015.	70,230	625,082,182	-	-	-	-
8	Huyện Đức Phổ	-	-	393	25/3/2015	23,790	211,742,918	02/4/2015.	23,790	211,742,918	02/4/2015.	23,790	211,742,918	-	-	-	-
9	Huyện Bình Sơn	-	-	393	25/3/2015	113,250	1,007,981,733	01/4/2015.	113,250	1,007,981,733	01/4/2015-03/4/2015	113,250	1,007,981,733	-	-	-	-
10	Huyện Nghĩa Hành	-	-	393	25/3/2015	160,350	1,432,148,697	02/4/2015.	160,350	1,432,148,697	02/4/2015.	160,350	1,432,148,697	-	-	-	-
11	Huyện Tư Nghĩa	-	-	393	25/3/2015	77,250	687,563,698	11/4/2015.	77,250	687,563,698	11/4/2015-16/4/2015.	77,250	687,563,698	-	-	-	-
12	Huyện Minh Long	-	-	393	25/3/2015	42,000	373,821,040	13/04/2015.	42,000	373,821,040	13/04/2015.	42,000	373,821,040	-	-	-	-
13	Huyện Mộ Đức	-	-	393	25/3/2015	152,280	1,355,368,285	02/4/2015.	152,280	1,355,368,285	02/4/2015-10/4/2015.	152,280	1,355,368,285	-	-	-	-
14	Thành phố Quảng Ngãi	-	-	393	25/3/2015	130,560	1,168,512,000	02/4/2015.	130,560	1,168,512,000	02/4/2015.	130,560	1,168,512,000	-	-	-	-
III	Hỗ trợ học sinh học kỳ II năm 2014-2015 theo QĐ số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Chính	-	-	362	20/03/2015	777,560	6,922,261,802		775,700	6,905,703,071		775,700	6,905,703,071	-	-	-	-
1	Huyện Lý Sơn	-	-	362	20/3/2015	1,575	14,021,506	06/4/2015	1,575	14,021,506	08/4/2015	1,575	14,021,506	-	-	-	-
2	Huyện Sơn Tịnh	-	-	362	20/3/2015	675	6,009,217	-	675	6,009,217	-	675	6,009,217	-	-	-	-
3	Huyện Ba Tơ	-	-	362	20/3/2015	118,995	1,059,358,176	-	118,995	1,059,358,176	-	118,995	1,059,358,176	-	-	-	-

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=3+10-13	16=4+11-14	17	18
4	Huyện Tây Trà	-	-	362	20/3/2015	176,970	1,575,483,141	08/4/2015	176,970	1,575,483,141	08/4/2015 -	176,970	1,575,483,141	-	-	-	-
5	Huyện Trà Bồng	-	-	362	20/3/2015	72,300	643,653,902	-	72,300	643,653,902	-	72,300	643,653,902	-	-	-	-
6	Huyện Sơn Tây	-	-	362	20/3/2015	132,840	1,182,613,892	02/4/2015- 03/4/2015	132,840	1,182,613,892	02/4/2015- 04/4/2015	132,840	1,182,613,892	-	-	-	-
7a	Huyện Sơn Hà	-	-	362	20/3/2015	212,985	1,896,108,249	07/4/2015	212,985	1,896,108,249	07/4/2015- 08/4/2015	212,985	1,896,108,249	-	-	-	-
7b	Huyện Sơn Hà	-	-	661	11/5/2025	1,860	16,558,731	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Huyện Đức Phổ	-	-	362	20/3/2015	16,680	148,494,427	07/4/2015	16,680	148,494,427	07/4/2015- 08/4/2015	16,680	148,494,427	-	-	-	-
9	Huyện Bình Sơn	-	-	362	20/3/2015	7,580	67,481,280	07/4/2015	7,580	67,481,280	07/4/2015- 08/4/2015	7,580	67,481,280	-	-	-	-
10	Huyện Nghĩa Hành	-	-	362	20/3/2015	13,980	124,457,560	07/4/2015	13,980	124,457,560	07/4/2015- 08/4/2015	13,980	124,457,560	-	-	-	-
11	Huyện Tư Nghĩa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Huyện Minh Long	-	-	362	20/03/2015	20,160	179,475,279	07/4/2015	20,160	179,475,279	07/4/2015- 08/4/2015	20,160	179,475,279	-	-	-	-
13	Huyện Mộ Đức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Thành phố Quảng Ngãi	-	-	362	20/3/2015	960	8,546,442	01/4/2015	960	8,546,442	01/4/2015	960	8,546,442	-	-	-	-
	Tổng cộng: (I+II+III)	-	-	-	-	3,483,560	31,034,040,025	-	3,481,700	31,017,481,294	-	3,481,700	31,017,481,294	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị gạo Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015 theo đơn giá hạch toán: 8.912,19135206 đồng/kg.
- Giá trị gạo Giáp hạt năm 2015 theo đơn giá hạch toán Cục dự trữ Nghĩa Bình: 8.900,5009497 đồng/kg; Đơn giá hạch toán Cục dự trữ Đà Nẵng 8.950 đồng/kg tính cho 230.630 kg
- Giá trị gạo hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2014-2015 theo đơn giá hạch toán: 8.902,5436 đồng/kg.